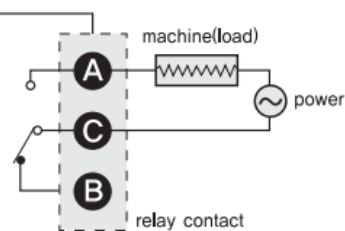


# DS FOX<sup>®</sup>

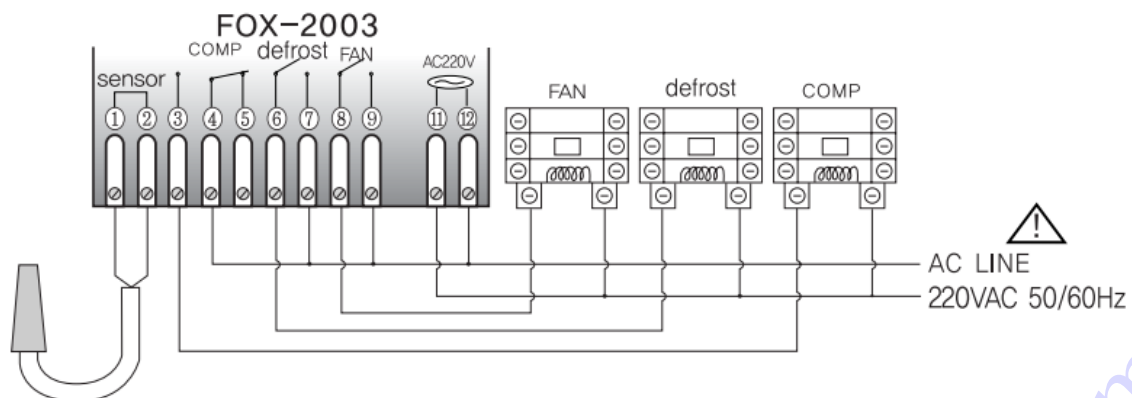
## DAE SUNG E.N.G

Khi cài đặt bộ điều khiển kho lạnh **FOX-2003**, chúng ta chỉ cần nắm vững cách thao tác trên các phím và đồng thời hiểu rõ các tham số của nó. Để thao tác dễ dàng hơn, khi cài đặt nên có sơ đồ cài đặt bên cạnh (sơ đồ có trong **catalog của FOX-2003**).

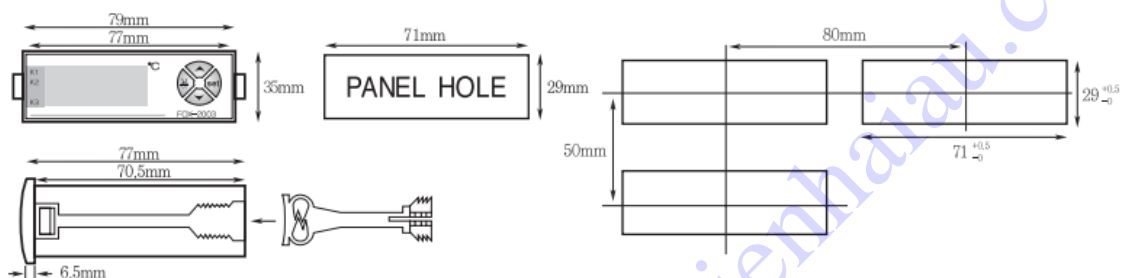
### ■ Relay junction



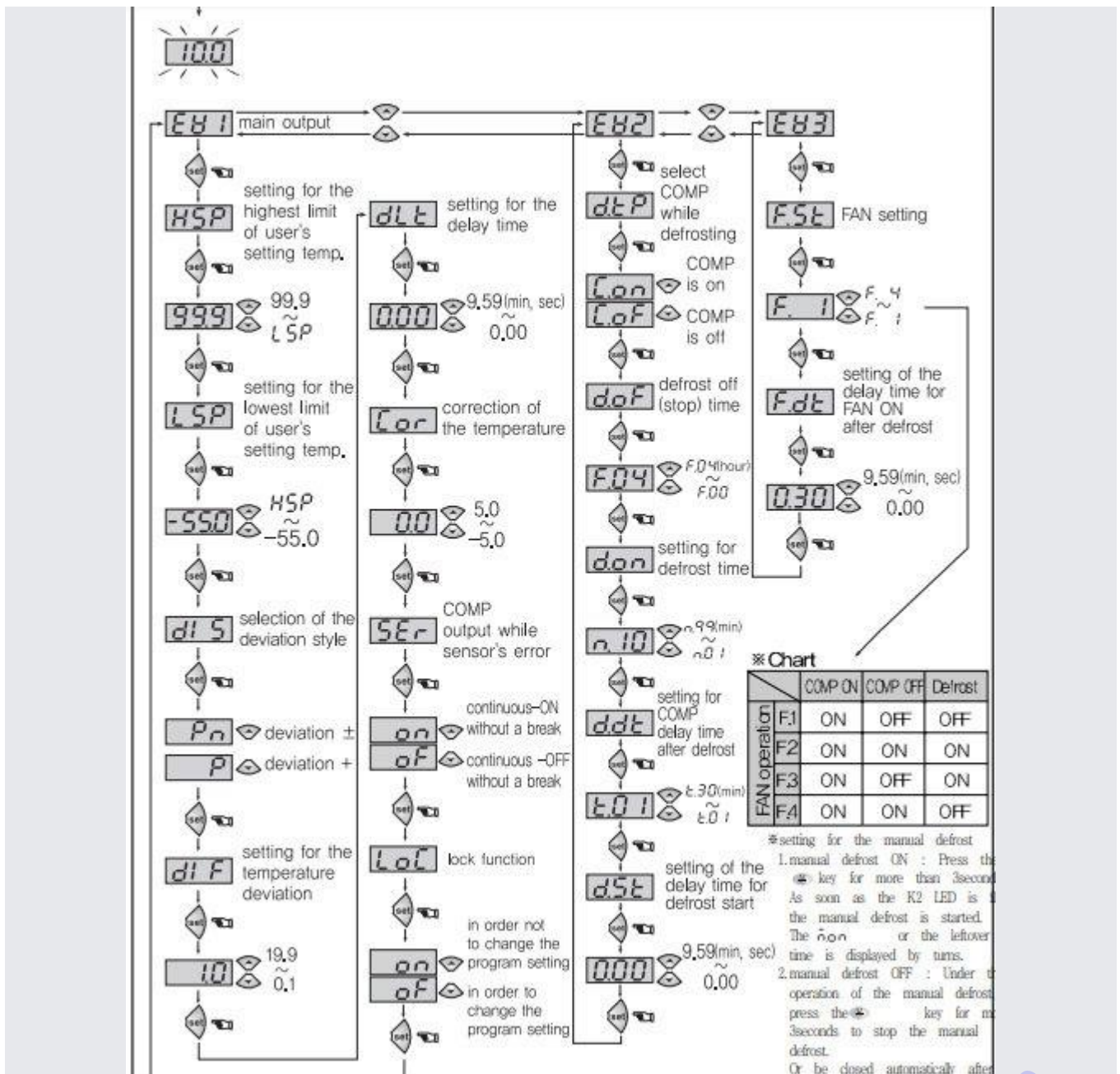
### ■ Connection



### ■ Dimension



Codienthai.com



## Sơ đồ cài đặt bộ điều khiển kho lạnh FOX-2003

Một yêu cầu vận hành cụ thể cũng cần thiết trước khi tiến hành cài đặt. Ví dụ, các yêu cầu sau là cần thiết:

- Nhiệt độ của **kho lạnh**
- Thời gian xả đá
- Bao lâu sẽ xả đá 1 lần
- Delay máy nén sau khi xả đá bao lâu
- Delay quạt sau khi xả đá bao lâu
- Các yêu cầu khác ...

## I. Các thao tác cơ bản

### I.1 Cài đặt nhiệt độ

- Nhấn phím **SET** để vào phần cài đặt nhiệt độ
- Dùng phím mũi tên để thay đổi nhiệt độ

## I.2 Cài đặt chương trình

- Nhấn và giữ phím **SET** (hơn 5 giây) để vào phần cài đặt chương trình
- Dùng phím mũi tên lên để di chuyển từ **E81** – Program 1 (cài đặt máy nén) đến **E82** – Program 2 (cài đặt xả đá) đến **E83** – Program 3 (cài đặt quạt). Và dùng phím mũi tên xuống để di chuyển ngược lại.
- Nhấn SET để di chuyển và chọn các tham số
- Dùng phím mũi tên để thay đổi giá trị cho tham số.

## I.3 Kích hoạt / dừng xả đá thủ công

Nhấn và giữ phím **⏏** hơn 3 giây (cho đến khi trên màn hình xuất hiện (hoặc mất) dấu hiệu xả đá)

## II. Ý nghĩa các tham số trong cài đặt chương trình

1. **E81** : Program 1: cài đặt máy nén
  - **HSP** (HSP): Giới hạn nhiệt độ cao nhất, không cho phép người dùng thiết lập điểm SET cao hơn giá trị này
  - **LSP** (LSP): Giới hạn nhiệt độ thấp nhất, không cho phép người dùng thiết lập điểm SET thấp hơn giá trị này
  - **dIS** (dIS): Chọn cách tính dung sai
  - Pn: ±
  - P: + (mặc định)
  - **dIF** (dIF): Dung sai
  - Nếu Pn thì OFF = SET – (diF:2); ON = SET + (diF:2)
  - Nếu P thì OFF = SET; ON = SET + diF
  - **dLt** (dLt): Delay máy nén
  - **Cor** (Cor): Cân chỉnh sai số đầu dò
  - **SEr** (SEr): Máy nén ON hay OFF khi đầu dò bị lỗi
  - **LoC** (LoC): Khóa phím (ON = khóa; OF = mở)
2. **E82** : Program 2: cài đặt xả đá
  - **d.tP** (d.tP): Máy nén ON hay OFF khi xả đá
  - **C.on** (C.on): máy nén ON
  - **C.oF** (C.oF): máy nén OFF
  - **d.oF** (d.oF) : Khoảng cách thời gian giữa 2 lần xả đá (bao lâu sẽ xả đá 1 lần)
  - **d.on** (d.on): Thời gian xả đá (1 lần)
  - **d.dt** (d.dt): Delay máy nén sau xả đá
  - **d.St** (d.St): Delay tiến trình xả đá
3. **E83**: Program 3: cài đặt quạt
  - **F.St** (F.St): chế độ quạt
  - F.01: quạt ON khi máy nén ON; quạt OFF khi máy nén OFF; quạt OFF khi xả đá
  - F.02: Quạt ON khi máy nén ON; quạt ON khi máy nén OFF; quạt ON khi xả đá
  - F.03: quạt ON khi máy nén ON; quạt OFF khi máy nén OFF; quạt ON khi xả đá
  - F.04: quạt ON khi máy nén ON; quạt ON khi máy nén OFF; quạt OFF khi xả đá
  - **F.dt** (F.dt): Delay quạt sau xả đá. Cách thiết lập giá trị: phút.giây (ví dụ: 1.30 => 1 phút 30 giây)